

Bản án số: 03/2021/HS-ST
Ngày: 19-01-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Chí Khanh**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Đào Thị Kim Nương**

Bà Nguyễn Thị Hoàng Oanh

- Thư ký phiên tòa: Ông **Thạch Hải Âu** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Tiến** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 01 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 36/2020/TLST-HS ngày 25 tháng 11 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo:

Trần Huy T, sinh ngày 02/9/1996 tại Tiền Giang; Nơi cư trú: Khu phố A, thị trấn M, huyện T, tỉnh T; Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Thanh T (đã chết) và bà Võ Thị C; Bị cáo T chưa có vợ, con; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/4/2020 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại:

Anh **Trịnh Duy K**, sinh năm 1995. Nơi cư trú: ấp M, xã M, thị xã C, tỉnh T. (xin vắng mặt)

Anh **Nguyễn Phước T**, sinh năm 1978. Nơi cư trú: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh T. (xin vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà **Võ Thị C**, sinh năm 1970. Nơi cư trú: Khu phố A, thị trấn M, huyện T, tỉnh T. (có mặt)

Anh **Nguyễn Trần Thiện A**, sinh năm 1993. Nơi cư trú: ấp Q, xã T, thị xã C, tỉnh T. Tạm trú: 222 Lê Văn P, Phường B, thành phố M, tỉnh T. (vắng mặt)

Anh **Hồ Tấn Đ**, sinh năm 1990. Nơi cư trú: 333A, Khu phố A, Phường B, thành phố M, tỉnh T. Tạm trú: 16/5 Lê Việt T, Phường B, thành phố M, tỉnh T. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Trần Huy T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 21/02/2020 Trần Huy T (M) đến quán “Tiệm cà phê” trên đường H thuộc Khu 1 (nay là Khu phố A), thị trấn Mỹ Phước, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang do anh Trịnh Duy K, sinh năm 1995 ĐKTT: ấp M, xã M, thị xã C, tỉnh T làm chủ. Trong lúc uống cà phê T hỏi K mượn xe mô tô 02 bánh biển số 63B3 – 609.46 đến thành phố M giải quyết công việc. Do quen biết từ khi còn đi học nên K tin tưởng giao xe và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô (bản gốc) cho T sử dụng.

Sau đó T điều khiển xe trên đến thành phố M để tìm người quen mượn tiền nhưng không gặp. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày T liên lạc hẹn uống cà phê với Hồ Tấn Đ, sinh năm 1990 ĐKTT: 333A, Khu phố A, Phường B, thành phố M, tỉnh T. Tạm trú: 16/5 Lê Việt T, Phường B, thành phố M, tỉnh T và Nguyễn Tấn T (B), sinh năm 2001, ĐKTT: Số 110/6C đường Lê Thị H, Phường C, thành phố M, tỉnh T tại quán “C” gần ngã ba TL. Trong lúc uống cà phê T đề nghị cầm xe mô tô 02 bánh biển số 63B3 – 609.46 và giấy đăng ký xe cho Đ với số tiền 20.000.000 đồng, Đ đồng ý. Sau khi cầm xe T dùng số tiền trên để trả nợ hết.

Ngoài vụ án trên thì vào ngày 23/2/2020 Trần Huy T còn có hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt xe ô tô biển số 63A – 040.29 của anh Nguyễn Phước T, sinh năm 1978, ĐKTT: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh T. Cụ thể: Do có mối quan hệ quen biết nên anh Phước T gửi xe ô tô trên tại nhà của T. Bên cạnh đó, anh Phước T còn thường kêu T làm tài xế xe này để chở khách dịch vụ.

Khoảng 08 giờ ngày 23/02/2020 anh Phước T đến nhà T để lấy xe chở gia đình về nhà tại xã P. Lúc này do muốn sử dụng xe 63A – 040.29 làm phương tiện đi chơi nên T viện lý do có chị H tại kênh 3 hợp đồng thuê xe 63A – 040.29 chở đến tỉnh B nên Phước T kêu T điều khiển xe chở gia đình Phước T về P rồi điều khiển xe đi chở khách. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, sau khi chở gia đình Phước T về xã P thì T điều khiển xe đến thành phố M.

Theo lời khai của T khi đến thành phố M thì T đến nhà của Hồ Tấn Đ tại số 16/5 Lê Việt T, Phường B, thành phố M, tỉnh T để đánh bạc thắng thua bằng tiền bằng hình thức đá gà qua mạng với Nguyễn Trần Thiện A, sinh năm 1993, ĐKTT: ấp Q, xã T, thị xã C, tỉnh T. Kết quả T thua số tiền 80.000.000 đồng. Do không có tiền trả nợ nên T đồng ý thế chấp xe 63A – 040.29 với số tiền trên để trả nợ. Sau đó T viết thư gửi về gia đình liệt kê các khoản nợ chưa thanh toán rồi bỏ đi thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên theo kết quả đối chất giữa Trần Huy T và Nguyễn Trần Thiện A thì A khai vào ngày 23/02/2020 A có cầm xe 63A – 040.29 cho T

với số tiền 89.000.000đồng, A hoàn toàn không có hành vi tham gia đánh bạc với T.

Sau khi đưa xe cho T quản lý và sử dụng, Trịnh Duy K và Nguyễn Phước T không liên lạc được với T nên cả hai đến Công an thị trấn M tố cáo hành vi của T. Đến ngày 25/02/2020, Trần Huy T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Phước trình diện và khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 207/KL-HĐ ngày 10 tháng 3 năm 2020 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang kết luận giá trị của xe mô tô 02 bánh 63B3 – 609.46 là 33.600.000 đồng và xe 63A – 040.29 là 433.461.490 đồng. Như vậy, tổng giá trị bị chiếm đoạt của 02 xe trên là 467.061.491 đồng (Bốn trăm sáu mươi bảy triệu không trăm sáu mươi một ngàn bốn trăm chín mươi đồng).

Thu giữ tang vật:

- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký và xe mô tô 02 bánh biển số 63B3 – 609.46, nhãn hiệu YAMAHA, màu sơn: trắng đen đỏ. Số máy: G3D4E427333, số khung: RLCUG0610HY408217 do anh Trịnh Duy K, sinh năm 1995, ĐKTT: ấp M, xã M, thị xã C, tỉnh T đứng tên sở hữu.

- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký, 01 giấy chứng nhận kiểm định và xe ô tô con biển số 63A – 040.29, nhãn hiệu HONDA, số loại: CITY 1.5 CVT, màu sơn: trắng. Số máy: L15Z12300348, số khung: RLHGM6667FY600347 do Nguyễn Phước T, sinh năm 1978, ĐKTT: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh T đứng tên sở hữu.

- 01 (một) hợp đồng vay tiền theo mẫu (bản gốc) ngày 22/02/2020 do người vay Trần Huy T viết ký tên, người làm chứng Nguyễn Trần Thiện A.

- 01 (một) USB chứa video clip ghi hình có âm thanh khi tiến hành hỏi cung, đối chất.

Về xử lý vật chứng:

Trong quá trình điều tra, anh Trịnh Duy K và Nguyễn Phước T có đơn xin nhận 02 xe nêu trên để làm phương tiện sử dụng. Ngày 09/3/2020 Cơ quan CSĐT – Công an huyện Tân Phước đã ra Quyết định xử lý đồ vật, tài liệu trả lại các giấy tờ và 02 xe trên cho anh K, Phước T xong.

Riêng 01 USB chứa video clip ghi hình có âm thanh khi tiến hành hỏi cung, đối chất được lưu theo hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, bị hại là anh Trịnh Duy K và Nguyễn Phước T đã nhận lại xe và không có yêu cầu gì khác. Anh Hồ Tấn Đ yêu cầu bị cáo trả lại số tiền đã cầm xe là 20.000.000 đồng, còn Nguyễn Trần Thiện A yêu cầu trả lại 89.000.000 đồng. Bà Võ Thị C là mẹ ruột của bị cáo đã khắc phục số tiền 109.000.000 đồng cho Đ, A xong. Sau khi nhận tiền Đ và A không có yêu cầu gì khác.

Tại bản cáo trạng số 38/CT-VKSTP ngày 25/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Tân Phước để xét xử đối với bị cáo Trần Huy T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Khoản 3 Điều 175 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận xác định: Vào các ngày 21/02/2020 và 23/02/2020, trên địa bàn thị trấn M, huyện T, tỉnh T. Trần Huy T lợi dụng vào mối quan hệ quen biết, tin tưởng của anh Trịnh Duy K và Nguyễn Phước T để mượn xe làm phương tiện đi chơi nhưng sau khi nhận 02 xe 63B3 – 609.46 và xe 63A – 040.29 có tổng trị giá là 467.061.491 đồng, đã đem đến thành phố M, tỉnh T thế chấp vay tiền sử dụng vào mục đích cá nhân, tài sản đã được thu hồi trả lại cho các bị hại. Vì vậy bị cáo Trần Huy T phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình. Do đó có cơ sở xác định bị cáo Trần Huy T đã phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo Khoản 3 Điều 175 của Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 3 Điều 175; Điều 38; Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điểm g Khoản 1 Điều 52, Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Trần Huy T từ 03 đến 04 năm tù, xử lý vật chứng của vụ án và bị cáo phải chịu án phí theo qui định.

Bị cáo thống nhất với ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thống nhất với ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận gì và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối cải, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng:* Về hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Phước, của Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, của Kiểm sát viên trong quá trình tiến hành tố tụng điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, tình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp theo quy định của pháp luật.

[2] *Về hành vi phạm tội của bị cáo:* Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Trần Huy T đã thừa nhận toàn bộ hành vi của mình là do thiếu nợ không có tiền trả nên vào các ngày 21/02/2020 và 23/02/2020 bị cáo lợi dụng vào mối quan hệ quen biết, tin tưởng của anh Trịnh Duy K và Nguyễn Phước T để mượn xe mô tô 63B3 – 609.46

của anh K và xe ô tô 63A – 040.29 của anh Phước T làm phương tiện đi chơi, nhưng sau khi nhận được xe mô tô 63B3 – 609.46 và xe ô tô 63A – 040.29 có tổng trị giá là 467.061.491 đồng, bị cáo đã đem đến thành phố M, tỉnh T để thế chấp vay tiền sử dụng vào mục đích cá nhân, tài sản đã được thu hồi trả lại cho các bị hại.

Lời thừa nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn phù hợp với các chứng cứ, tài liệu đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, người có liên quan trong vụ án. Do đó đã có đủ cơ sở để kết luận, hành vi phạm tội của bị cáo Trần Huy T đã cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Tội danh và hình phạt được quy định tại Khoản 3 Điều 175 của Bộ luật hình sự năm 2015, nên bản cáo trạng số 38/CT-VKSTP ngày 25/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước truy tố bị cáo Trần Huy T về tội danh và hình phạt đã nêu trên là có căn cứ đúng pháp luật.

[3] *Về tính chất mức độ của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:* Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại Trịnh Duy K và Nguyễn Phước T, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương nơi xảy ra vụ án, gây tư tưởng hoang mang lo sợ việc bị lợi dụng lòng tin để chiếm đoạt tài sản trong nhân dân. Bản thân bị cáo nhận thức được rằng, hành vi lạm dụng sự tín nhiệm để chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì bản chất chạy lười lao động, chỉ muốn có tiền để tiêu xài bằng cách có ý định toan tính chiếm đoạt tài sản của người khác, nên bị cáo bất chấp tất cả để thực hiện hành vi phạm tội của mình. Bị cáo phạm tội với quyết tâm cao, có sự chuẩn bị, toan tính từ trước, lợi dụng lòng tin của bị hại để chiếm đoạt tài sản. Tài sản mà bị cáo chiếm đoạt của bị hại có giá trị 467.061.491 đồng là có giá trị lớn, đó là giá trị công sức lao động mà bị hại phải bỏ ra trong một thời gian dài mới có được. Bị cáo là một thanh niên trong xã hội, lẽ ra bị cáo phải học hỏi những điều hay lẽ phải và tích cực lao động để trở thành người có ích cho gia đình và xã hội. Nhưng với bản chất tham lam, chạy lười lao động, thích hưởng thụ mà không phải bỏ ra công sức lao động nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội của mình. Do đó cần áp dụng một mức hình phạt thật thỏa đáng, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, là cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, để có thời gian giáo dục, cải tạo bản thân bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội, biết tôn trọng tài sản hợp pháp của người khác, đồng thời để làm thức tỉnh những ai đang mang tư tưởng chiếm đoạt tài sản của người khác như bị cáo.

Hội đồng xét xử xét thấy sau khi phạm tội bị cáo Trần Huy T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã khắc phục hậu quả bồi thường thiệt hại xong, đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Điểm b, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; bị cáo có nhân thân tốt, bản thân không có tiền án, tiền sự, cha bị cáo từng tham gia công tác trong ngành y tế; bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo T đã có 02 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Điểm b, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự và nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Do đó Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự xét xử bị cáo dưới mức thấp nhất

của khung hình phạt quy định tại Khoản 3 Điều 134 của Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử có xem xét khi lượng hình, giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng: Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Trần Huy T đã 02 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại (01 lần 33.600.000 đồng và 01 lần là 433.461.490 đồng) do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[4] *Về hình phạt bổ sung*: Hội đồng xét xử thống nhất không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Trần Huy T.

[5] *Về vật chứng*: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Phước đã giao trả xe và giấy tờ xe cho bị hại Trịnh Duy K và Nguyễn Phước T nên không đặt ra xem xét. Tiếp tục lưu hồ sơ vụ án 01 (một) hợp đồng vay tiền theo mẫu (bản gốc) ngày 22/02/2020 do người vay Trần Huy T viết ký tên, người làm chứng Nguyễn Trần Thiện A và 01 (một) USB chứa video clip ghi hình có âm thanh khi tiến hành hỏi cung, đối chất.

[6] *Về trách nhiệm dân sự*: Trong quá trình giải quyết vụ án bị hại là anh Trịnh Duy K và Nguyễn Phước T đã nhận lại xe và không có yêu cầu gì khác. Anh Hồ Tấn Đ yêu cầu bị cáo trả lại số tiền đã cầm xe là 20.000.000 đồng, còn Nguyễn Trần Thiện A yêu cầu trả lại 89.000.000 đồng. Bà Võ Thị C là mẹ ruột của bị cáo đã khắc phục số tiền 109.000.000 đồng cho Đ, A xong. Sau khi nhận tiền Đ và A không có yêu cầu gì khác nên không đặt ra xem xét. Tại phiên tòa bà C cũng không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] *Về án phí*: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[8] Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử về tội danh, hình phạt, Hội đồng xét xử có ghi nhận khi nghị án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Huy T đã phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng Khoản 3 Điều 175; Điều 38; Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Trần Huy T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 13/4/2020.

2. Về vật chứng:

- Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tiếp tục lưu hồ sơ vụ án 01 (một) hợp đồng vay tiền theo mẫu (bản gốc) ngày 22/02/2020 do người vay Trần Huy T viết ký tên, người làm chứng Nguyễn Trần Thiện A và 01 (một) USB chứa video clip ghi hình có âm thanh khi tiến hành hỏi cung, đối chất.

3. Về án phí:

- Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Huy T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được thực hiện quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được thực hiện quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- Chi cục THADS huyện Tân Phước;
- CAND huyện Tân Phước;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Chí Khanh